

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**ĐỀ ÁN**

**XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG  
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI  
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP  
GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

**Hà Nội, 9 – 2010**

# MỤC LỤC

	Trang
Phần I. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC	1
1.1. Sự cần thiết phải xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp	1
1.2. Tổng quan về hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp trên thế giới	2
1.3. Thực trạng hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp trong nước	7
1.4. Những căn cứ pháp lý để xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp trong nước	8
Phần II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KINH PHÍ	10
2.1. Mục tiêu	10
2.2. Nhiệm vụ	10
2.3. Giải pháp	12
2.4. Kinh phí	13
Phần III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	17
3.1. Lộ trình thực hiện	17
3.2. Trách nhiệm các đơn vị liên quan	20
PHỤ LỤC	22

Phần I. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG KIỂM ĐỊNH  
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP :  
Ở TRÊN THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC

**1.1. Sự cần thiết phải xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp**

Xu thế toàn cầu hoá, hội nhập kinh tế quốc tế và sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nền kinh tế tri thức đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Nhiệm vụ chính của giáo dục và đào tạo là cung cấp nguồn nhân lực đó. Để thực hiện nhiệm vụ này, giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp (GDĐH - TCCN) của nước ta nói riêng, không những phải mở rộng quy mô mà còn phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

Hiện nay, hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN ở nước ta đã bước đầu được hình thành. Mạng lưới cơ sở GDĐH - TCCN phân bố rộng khắp trong cả nước, đa dạng hoá về loại hình trường, ngành nghề, phương thức đào tạo, nguồn lực và nhiều phương diện khác theo hướng hội nhập với xu thế chung của thế giới. Quy mô đào tạo tăng nhanh, từng bước đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội. Chất lượng đào tạo đã có những chuyển biến tốt về nhiều mặt. Các hoạt động đánh giá, đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đã được chú ý.

Tuy nhiên, hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN vẫn còn có một số hạn chế, chưa thực sự theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, chưa tiếp cận được với trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và trên thế giới. Chính vì vậy, vấn đề quản lý chất lượng đang được các cấp, ngành và xã hội quan tâm. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới cho thấy, khi quy mô đào tạo tăng nhanh, nhưng sự đầu tư của Nhà nước không tăng hoặc tăng chậm hơn, cần thiết phải có mô hình quản lý chất lượng thích hợp để đảm bảo rằng sản phẩm đầu ra của giáo dục và đào tạo có thể đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động.

Các mô hình quản lý chất lượng, xếp theo cấp độ tiến bộ là kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và quản lý chất lượng tổng thể đã và đang được sử dụng trong giáo dục ở nhiều nước trên thế giới và từng bước được triển khai áp dụng ở Việt Nam. Trong gần 10 năm qua, thực tế giáo dục trong nước đã chứng minh rằng: đảm bảo chất lượng là mô hình thích hợp để quản lý chất lượng giáo dục, trong đó, kiểm định chất lượng giáo dục là một trong những hoạt động đảm

bảo chất lượng giáo dục.

Kiểm định chất lượng giáo dục là hoạt động đánh giá của các tổ chức chuyên nghiệp, độc lập với các cơ sở giáo dục nhằm xem xét, công nhận cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Tuy hoạt động này không trực tiếp tạo ra chất lượng giáo dục, nhưng quá trình phấn đấu để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng đã đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải không ngừng hoàn thiện và nâng cao các chuẩn mực đầu vào, qui trình đào tạo và các chuẩn mực đầu ra, do đó tạo nên chất lượng ở tất cả các khâu liên quan trong mỗi cơ sở giáo dục.

Các hoạt động kiểm định chất lượng đối với GDDH - TCCN đã được triển khai ở trong nước trong những năm gần đây, tuy nhiên, với tốc độ chậm, chưa đảm bảo được sự phát triển ổn định và bền vững. Chủ trương đổi mới quản lý giáo dục của Đảng và Nhà nước đòi hỏi phải có sự phân cấp cụ thể trong công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009 đòi hỏi bên cạnh các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do Nhà nước thành lập phải có sự tham gia của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do các tổ chức, cá nhân khác thành lập.

Vì vậy, cần thiết phải xây dựng *Đề án xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng đối với GDDH - TCCN giai đoạn 2011-2020* để định hướng chỉ đạo, triển khai và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN theo đúng xu thế quốc tế, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## **1.2. Tổng quan về hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN trên thế giới**

Hiện nay, hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đã trở nên khá phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Trong số 213 nước và lãnh thổ trên thế giới tham gia Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học (INQAAHE)<sup>1</sup>, thì phần lớn đều triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng GDDH - TCCN nhằm mục đích quản lý, giám sát và không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục.

---

<sup>1</sup> Nguồn: “Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học (INQAAHE)”.  
Tại website [www.inqaahe.org](http://www.inqaahe.org)

Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của các nước trên thế giới khá đa dạng về mặt sở hữu (của Nhà nước, của các hiệp hội hay các tổ chức, cá nhân khác), về đối tượng kiểm định (trường, chương trình, tất cả các cấp học hay chỉ giáo dục đại học,...), về tính phụ thuộc hay độc lập với Nhà nước (độc lập hoàn toàn với Nhà nước, độc lập trong việc đưa ra các quyết định chuyên môn nhưng vẫn nhận kinh phí của Nhà nước hay phụ thuộc hoàn toàn vào Nhà nước),... Ở Hoa Kỳ, tất cả các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đều không thuộc Nhà nước. Tuy nhiên, hầu hết các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của các nước khác đi vào hoạt động trong 20 năm gần đây đều do Nhà nước thành lập (Thái Lan, Mông Cổ, Australia, Ấn Độ, Malaysia, Indonesia), nhưng sau đó trở thành các tổ chức kiểm định độc lập (Australia, Ấn Độ, Malaysia, Indonesia,...), nhưng vẫn được nhận kinh phí hỗ trợ của Nhà nước (Australia, Ấn Độ, Indonesia). Hoa Kỳ có 6 tổ chức kiểm định vùng, nhưng hầu như các nước khác, nhất là các nước trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, có xu hướng chỉ có một tổ chức quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục (ví dụ: Thái Lan, Indonesia, Căm-pu-chia). Một số nước khác như Nhật Bản, Phillippines, Malaysia có 2 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, một trong số đó đã được thành lập khá nhiều năm trước. Nhưng gần đây, Malaysia đã sáp nhập hai tổ chức lại thành một tổ chức mới. Một số nước có những tổ chức kiểm định của các hiệp hội, tổ chức chuyên môn hoạt động bên cạnh các tổ chức quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục nhưng với quy mô nhỏ (ví dụ: Thái Lan).

Mặc dù có những sự khác biệt giữa các hệ thống nhưng các xu thế chung đang được hình thành và có thể thể hiện ở ba mô hình tổ chức hệ thống quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

Mô hình thứ nhất bao gồm một số tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục độc lập với nhau, có nhiệm vụ triển khai các hoạt động đánh giá ngoài và có thẩm quyền công nhận các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Mô hình này cần có một tổ chức mang tính hiệp hội để liên kết và đại diện cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, qua đó, tạo diễn đàn để các tổ chức này có thể trao đổi, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau. Tuy nhiên, theo mô hình này, mỗi liên hệ giữa các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục khá lỏng lẻo. Nhà nước khó quản lý. Ngoài Hoa Kỳ và Canada, ít nước trên thế giới áp dụng mô hình này.

Mô hình thứ hai, mô hình tập trung cho mỗi hoặc một vài cấp học, ví dụ: tổ chức kiểm định chất lượng GDĐH - TCCN, tổ chức kiểm định chất lượng

giáo dục phổ thông,... Phần lớn các nước sử dụng mô hình này. Hầu hết các nước đều có tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Hiệp hội New England, Hoa Kỳ là một ví dụ về tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục chịu trách nhiệm kiểm định các trường đại học, cao đẳng, trung cấp kỹ thuật, phổ thông,...

Mô hình thứ ba, mô hình tập trung cho tất cả các cấp học, ví dụ: tổ chức đánh giá và kiểm định chất lượng các trường mầm non, phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học với sự hỗ trợ của hệ thống các đơn vị đánh giá ngoài. Văn phòng chuẩn quốc gia đánh giá chất lượng giáo dục (ONESQA) của Thái Lan là một ví dụ điển hình cho mô hình này. Tuy nhiên, bên cạnh ONESQA, vẫn còn có các tổ chức kiểm định nghề nghiệp cùng hoạt động với các tôn chỉ, mục đích cụ thể là kiểm định các chương trình giáo dục nghề nghiệp.

Mô hình tổ chức của các tổ chức kiểm định cũng khá khác nhau. Hầu hết có tên gọi là tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (Accreditation agency), nhưng thực chất là một công ty. Một số nơi còn gọi là trung tâm. Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đều có hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để phê duyệt các kế hoạch đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, phê chuẩn thành phần các đoàn đánh giá ngoài, quyết định công nhận hoặc không công nhận các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có giám đốc điều hành cùng bộ máy giúp việc để trực tiếp triển khai các hoạt động đánh giá và điều hành hoạt động chuyên môn hằng ngày của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, đồng thời có đội ngũ chuyên gia đánh giá cơ hữu phối hợp với một hệ thống cộng tác viên để triển khai các hoạt động đánh giá ngoài.

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục của các nước khá khác nhau. Một số nước chỉ kiểm định trường, một số nước khác chỉ kiểm định chương trình, nhưng cũng có những nước đồng thời sử dụng cả kiểm định trường và kiểm định chương trình. Hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cũng tương tự. Đặc biệt, có tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục không trực tiếp kiểm định các cơ sở giáo dục mà chỉ đi kiểm định các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục khác (ví dụ: Hội đồng kiểm định giáo dục đại học - CHEA, Hoa Kỳ) và cấp phép hoạt động cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục khác (ví dụ : Bộ Giáo dục Hoa Kỳ - US Department of Education hay Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục của Đức).

Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục sử dụng các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục làm công cụ để kiểm định các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục bao gồm các yêu cầu và điều kiện cụ thể về các nguồn lực và quy trình thực hiện, sản phẩm đầu ra để khẳng định với xã hội về chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục. Ngoại trừ các tổ chức kiểm định nghề nghiệp xây dựng các bộ tiêu chuẩn riêng để kiểm định các chương trình của mình, còn lại hầu hết các nước đều xây dựng các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục dùng chung cho các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục của từng cấp học<sup>2</sup>: đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Tính chuyên môn đặc thù của cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục được thể hiện trong thành phần của các đoàn đánh giá ngoài.

Tóm lại, trên cơ sở những phân tích trên, có thể rút ra những điều dưới đây để áp dụng cho Việt Nam:

1. Kiểm định chất lượng giáo dục là hoạt động đánh giá của các tổ chức chuyên nghiệp, độc lập với các cơ sở giáo dục nhằm xem xét, công nhận cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Kiểm định chất lượng giáo dục có thể áp dụng cho Việt Nam nhằm mục đích quản lý, giám sát và không ngừng nâng cao chất lượng GDĐH - TCCN. Kiểm định chất lượng giáo dục bao gồm kiểm định trường và kiểm định chương trình.

2. Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục là công cụ để kiểm định các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục, bao gồm các yêu cầu và điều kiện cụ thể về các nguồn lực và quy trình thực hiện, sản phẩm đầu ra để khẳng định với xã hội về chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo của cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục. Các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục được xây dựng chung cho các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục của từng cấp học<sup>3</sup>: đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp. Tính chuyên môn đặc thù của cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục được thể hiện trong thành phần của các đoàn đánh giá ngoài.

3. Hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN ở Việt Nam nên bao gồm:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục là Bộ

---

<sup>2</sup> Không phân biệt cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập

<sup>3</sup> Không phân biệt cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập

## Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

b) Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục bao gồm:

- Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do Nhà nước thành lập là tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học và tổ chức kiểm định chất lượng trường trung cấp chuyên nghiệp do Bộ trưởng Bộ GDĐT thành lập và định kỳ cấp phép hoạt động để kiểm định các cơ sở giáo dục, chương trình GDDH và trường TCCN thuộc các khối công lập và ngoài công lập.

- Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức, cá nhân thành lập bao gồm:

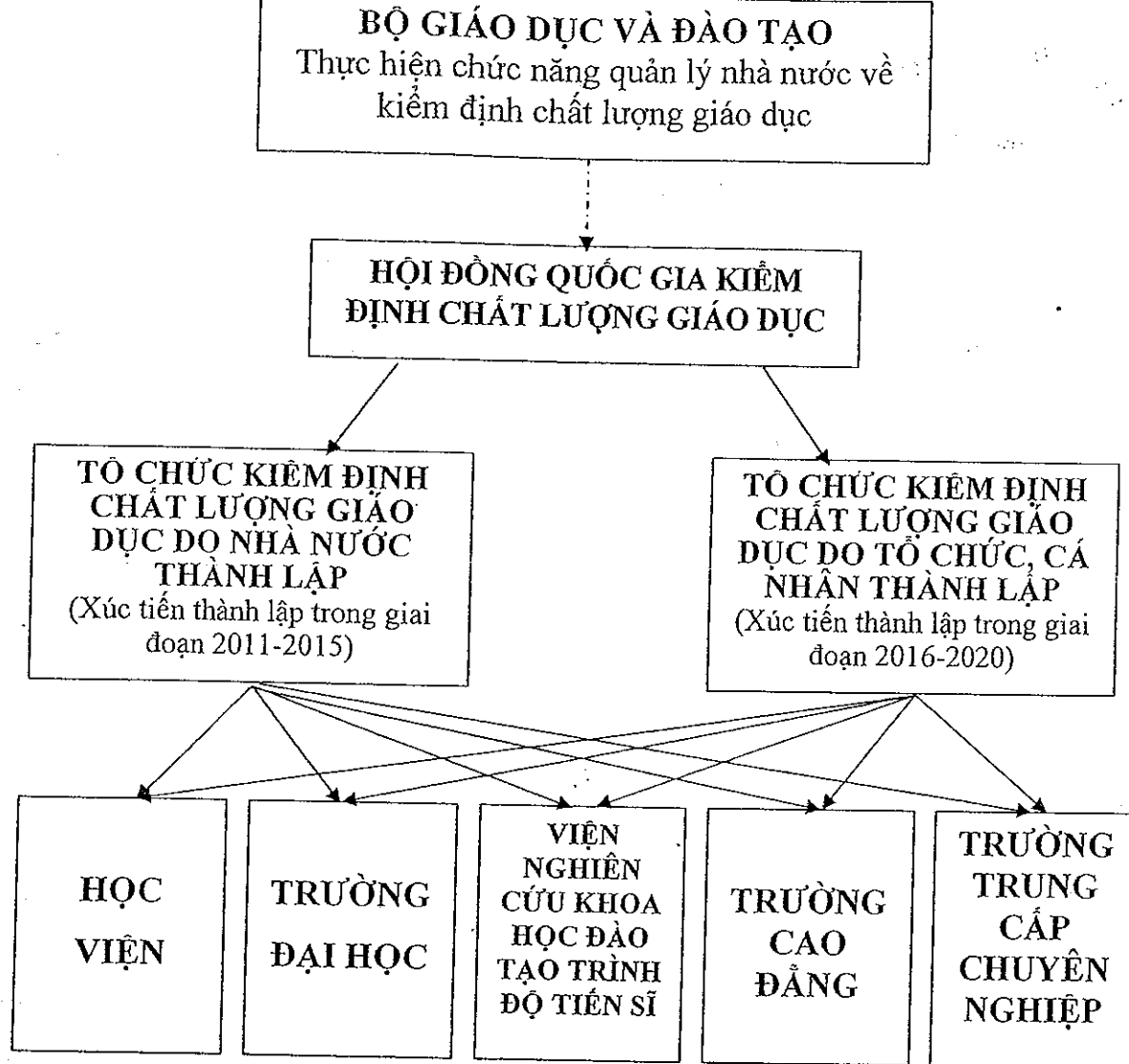
+ Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do các hiệp hội, cơ quan chuyên môn có nhu cầu thành lập, được Bộ trưởng Bộ GDĐT cho phép thành lập và định kỳ cấp phép hoạt động để kiểm định trong những lĩnh vực cụ thể.

+ Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do cá nhân có nhu cầu thành lập, được Bộ trưởng Bộ GDĐT cho phép thành lập và định kỳ cấp phép hoạt động để kiểm định trong những lĩnh vực cụ thể.

c) Trong giai đoạn 2011-2015, để thống nhất quy trình đánh giá, đảm bảo sự khách quan và công bằng về kết quả đánh giá chỉ nên thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà nước (do Bộ GDĐT thành lập), độc lập với các đơn vị giúp Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về giáo dục và đào tạo. Giai đoạn 2016-2020, có thể hình thành các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức, cá nhân thành lập.

Một Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục được thành lập trong thời gian sớm nhất để thay mặt Bộ GDĐT chỉ đạo các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục triển khai hoạt động. Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục có nhiệm vụ kiểm định các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, tư vấn, giúp Bộ trưởng Bộ GDĐT trong việc thành lập, cho phép thành lập và cấp phép hoạt động cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục độc lập với Bộ GDĐT trong việc hoạt động chuyên môn.

Mối quan hệ giữa các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục với Bộ GDĐT, với các cơ sở GDDH - TCCN được minh họa trong sơ đồ dưới đây:



4. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục là một đơn vị chuyên trách, có thể là một cơ quan, văn phòng, trung tâm hay công ty, có tư cách pháp nhân; có Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục do cơ quan chủ quản của tổ chức đó thành lập; có đội ngũ chuyên gia đánh giá để triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được quyền độc lập trong việc đưa ra quyết định công nhận hoặc không công nhận cơ sở giáo dục hoặc chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

### 1.3. Thực trạng hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN trong nước

Hiện nay, Chính phủ đang chủ trương đổi mới cơ bản, toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2010-2020, quyết tâm xây dựng một số trường đại học đẳng cấp quốc tế; thực hiện đổi mới quản lý giáo dục, trong đó kiểm định chất lượng được sử dụng như một công cụ quan trọng để khuyến khích tất cả các cơ sở giáo dục đại học, kể cả các cơ sở TCCN, nâng cao chất lượng giáo dục

thông qua việc phân đầu đạt các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trong những năm qua, hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục ở nước ta đang từng bước được hình thành. Đầu năm 2002, Bộ GDĐT đã thành lập *Phòng Kiểm định chất lượng đào tạo* trong Vụ Đại học (nay là Vụ Giáo dục đại học). Năm 2003 Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (Cục KTKĐCLGD) đã được thành lập theo Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ. Việc thành lập Cục KTKĐCLGD đã đánh dấu một thời kỳ mới của sự phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục ở Việt Nam. Năm 2004, Bộ GDĐT đã ban hành quy định tạm thời về kiểm định chất lượng các trường đại học làm công cụ để triển khai hoạt động kiểm định chất lượng trong cả nước. Năm 2005, kiểm định chất lượng giáo dục được đưa vào Luật Giáo dục; năm 2006 được đưa vào Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục. Đến nay, Bộ trưởng Bộ GDĐT đã ban hành tương đối đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng GDDH - TCCN và đang được triển khai thực hiện.

Tính đến hết tháng 8/2010, cả nước có 100 trường đại học, 99 chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học, 81 trường cao đẳng, 10 chương trình đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng, 56 trường trung cấp chuyên nghiệp đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá, trong số đó đã có 40 trường đại học, 4 chương trình đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng đã được đánh giá ngoài. Tuy nhiên, so với yêu cầu chung thì tiến độ kiểm định chất lượng như hiện nay vẫn còn khá chậm. Công tác tự đánh giá nói riêng và công tác kiểm định chất lượng giáo dục nói chung chưa được nhiều cơ sở GDDH - TCCN quan tâm do thiếu các chính sách liên quan đến quyền lợi của các cơ sở giáo dục khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá hay khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Do kiểm định chất lượng giáo dục là một hoạt động mới, nên rất cần có sự hỗ trợ về chuyên gia và tài chính. Trong những năm gần đây, một số dự án, đề án đã dành một phần kinh phí đáng kể để triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục. Mặc dù các hoạt động này còn thiếu đồng bộ và thường phiến diện, chưa có tính hệ thống nhưng sự hỗ trợ của các dự án trong thời gian qua đã góp phần đẩy nhanh tiến độ triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

#### **1.4. Những căn cứ pháp lý để xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN trong nước**

Đề án được xây dựng trên các cơ sở pháp lý sau:

Luật Giáo dục năm 2005 đã quy định “Kiểm định chất lượng giáo dục được thực hiện định kỳ trong phạm vi cả nước và đối với từng cơ sở giáo dục. Kết quả

kiểm định chất lượng giáo dục được công bố công khai để xã hội biết và giám sát”.

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2009 đã bổ sung các quy định về kiểm định chất lượng giáo dục, trong đó quy định rõ hơn nội dung quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục, nguyên tắc kiểm định chất lượng giáo dục và các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

Nghị quyết số 50/2010/QH12 ngày 19/6/2010 của Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về thành lập trường, đầu tư và bảo đảm chất lượng đào tạo đối với giáo dục đại học yêu cầu: “Đẩy mạnh công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo hướng đẩy nhanh tiến độ và công khai kết quả kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục đại học, ... hình thành một số tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học độc lập”.

Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã xem công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng là một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục và đề ra mục tiêu “Xây dựng và hoàn thiện các giải pháp bảo đảm chất lượng và hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục”.

Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục, đã dành một chương về kiểm định chất lượng giáo dục.

Tại Chỉ thị số 296/CT-TTg ngày 27/02/2010 về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012, Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho Bộ GDĐT: “Đẩy mạnh việc đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo hướng đẩy nhanh tiến độ tự đánh giá của các trường đại học và cao đẳng, triển khai từng bước việc kiểm định các trường đại học, cao đẳng; xây dựng tiêu chuẩn và hình thành một số cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục đại học, ...”

Nghị quyết số 05-NQ/BCSD ngày 06/01/2010 của Ban cán sự Đảng bộ Bộ GDĐT về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012 và chương trình hành động nhằm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/BCSD đã đưa ra một số hoạt động cần sớm triển khai thực hiện để đẩy nhanh tiến độ kiểm định chất lượng giáo dục.

## **Phần II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KINH PHÍ**

### **2.1. Mục tiêu**

a) Củng cố và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN, tạo môi trường và hành lang pháp lý cho sự phát triển ổn định hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục.

b) Xây dựng và phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục để triển khai đánh giá các cơ sở giáo dục và chương trình GDĐH, các trường TCCN đạt tiêu chuẩn chất lượng, góp phần vào việc đảm bảo và nâng cao chất lượng GDĐH - TCCN.

c) Xây dựng chính sách để phát triển đội ngũ chuyên gia đánh giá ngoài có đủ trình độ và số lượng để triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN.

d) Tăng cường hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN.

### **2.2. Nhiệm vụ**

#### **2.2.1. Củng cố và hoàn thiện hệ thống văn bản về kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN**

a) Trong các năm 2011 và 2012, rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về quy trình, chu kỳ và tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục các cơ sở giáo dục, chương trình GDĐH và trường TCCN;

b) Ban hành thông tư quy định về điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; xây dựng quy chế, điều lệ hoạt động mẫu của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (trong đó có chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn đạo đức, năng lực chuyên môn...);

c) Ban hành quy chế kiểm tra, thanh tra, đánh giá các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

d) Ban hành các chính sách khuyến khích thành lập các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và các chính sách liên quan đến việc sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cho công tác quản lý, thúc đẩy quá trình cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục ở cấp hệ thống và cấp trường;

e) Ban hành bộ tiêu chuẩn đánh giá dùng chung cho các chương trình giáo dục thuộc các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và bộ tiêu chuẩn đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của các trường đại học.

### **2.2.2. Xây dựng, phát triển và tăng cường năng lực cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN**

a) Xây dựng quy hoạch phát triển mạng lưới tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN đến năm 2015 và 2020, trong đó đến hết năm 2012 có ít nhất 3 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà nước được thành lập và đi vào hoạt động;

b) Xây dựng chương trình, nội dung, phương pháp tổ chức đào tạo và đánh giá trình độ, cấp chứng chỉ hành nghề kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Tăng cường kiểm tra, thanh tra, đánh giá hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN trên nguyên tắc tôn trọng tính độc lập của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; định kỳ cấp phép hoạt động cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

d) Tăng cường năng lực xây dựng các chính sách quốc gia phát triển hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục thông qua việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ của Bộ GDĐT;

đ) Tăng cường năng lực xây dựng chiến lược phát triển, tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN, thông qua việc tổ chức hoặc tham gia các hội nghị, hội thảo tập huấn để trao đổi, chia sẻ các kinh nghiệm thực tiễn ở trong và ngoài nước.

### **2.2.3. Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ để triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN**

a) Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực kiểm định chất lượng giáo dục cho các cá nhân tham gia các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN trong cả nước;

b) Đào tạo chuyên gia đánh giá ngoài: Trong các năm 2011, 2012, mỗi năm đào tạo 350 người; trong các năm 2013-2020, mỗi năm đào tạo 200 người;

c) Tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý giáo dục và chuyên môn kiểm định chất lượng giáo dục cho các chuyên gia đánh giá ngoài, đảm bảo các chuyên gia đánh giá ngoài đều được cập nhật kiến thức 2 năm/lần.

#### **2.2.4. Triển khai đánh giá và công nhận các cơ sở GDDH, chương trình GDDH và trường TCCN đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục**

a) Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các cơ sở GDDH - TCCN để chuẩn bị các báo cáo tự đánh giá, tham gia các hoạt động đánh giá ngoài và tiếp nhận các đoàn đánh giá ngoài đến khảo sát tại các cơ sở giáo dục;

b) Ban hành cơ chế để khuyến khích các cơ sở GDDH - TCCN xây dựng tổ chức đảm bảo chất lượng bên trong nhà trường, triển khai tự đánh giá, đảm bảo đến 2015 có 90% số cơ sở giáo dục hoàn thành báo cáo tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài (vòng 1); đảm bảo giai đoạn 2016-2020 có 95% số cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục hoàn thành báo cáo tự đánh giá và đăng ký đánh giá ngoài (vòng 2);

c) Chỉ đạo các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục triển khai đánh giá, công nhận các cơ sở giáo dục, chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng: trong giai đoạn 2011-2015 có 90% số cơ sở giáo dục được đánh giá ngoài; trong giai đoạn 2016-2020 có 95% số cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục được đánh giá ngoài và xem xét công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

#### **2.2.5. Tăng cường hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN**

a) Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục. Khuyến khích các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và các cơ sở giáo dục ở trong nước tham gia các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của quốc tế và của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương;

b) Khuyến khích các cơ sở giáo dục đăng ký đánh giá, kiểm định bởi các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế và trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

### **2.3. Giải pháp**

a) Xác định rõ việc phát triển và tăng cường năng lực cho hệ thống tổ chức kiểm định chất lượng GDDH – TCCN trong từng giai đoạn. Trong giai đoạn 2011-2015, thành lập các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà nước; giai đoạn 2016-2020, cho phép các tổ chức, cá nhân thành lập các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục. Đặc biệt chú trọng việc kiểm tra, đánh giá các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nhằm hướng đến sự phát triển bền vững của

cả hệ thống;

b) Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị thuộc Bộ, nâng cao trách nhiệm của đơn vị chủ trì trong việc soạn thảo và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, coi trọng việc lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, các nhà khoa học, các đối tượng liên quan để nâng cao chất lượng, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với thực tiễn của văn bản;

c) Xây dựng và định kỳ rà soát, hoàn thiện bộ tài liệu đào tạo chuyên gia đánh giá ngoài phục vụ công tác kiểm định chất lượng giáo dục. Huy động tối đa các nguồn lực cho việc đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm định chất lượng giáo dục. Vận dụng nguyên tắc chia sẻ kinh phí để tạo thêm cơ hội phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ;

d) Xác định rõ quyền lợi và trách nhiệm giữa nhà trường, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà nước và xã hội trong việc triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục. Tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ chuyên trách để làm tốt công tác đảm bảo chất lượng và cải tiến, nâng cao chất lượng tại cơ sở giáo dục. Ban hành các quy định, chính sách về sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục nhằm khuyến khích việc triển khai đánh giá và công nhận các cơ sở giáo dục, chương trình GDDH và trường TCCN đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục;

đ) Huy động tối đa các nguồn lực, tạo cơ hội học tập nâng cao trình độ để đội ngũ chuyên gia đánh giá ngoài và đội ngũ cán bộ chuyên trách ở cấp hệ thống và cấp trường có điều kiện tiếp cận với xu hướng kiểm định chất lượng giáo dục quốc tế. Tăng cường tổ chức và tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế và khu vực về đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, thông qua giao lưu quốc tế để thúc đẩy hiệu quả hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

#### **2.4. Kinh phí**

Tổng nguồn lực tài chính để triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN trong giai đoạn 2011-2020 dự kiến là 98.867 triệu đồng, bao gồm:

- Kinh phí để chi trả cho các hoạt động của Bộ GDĐT liên quan đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN là 3.984 triệu đồng. Nguồn để chi cho nội dung này lấy từ Ngân sách nhà nước.

- Kinh phí để chi trả cho các hoạt động định kỳ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho các chuyên gia đánh giá ngoài của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục ước tính là 4.800 triệu đồng. Nguồn chi cho nội dung này lấy từ nguồn kinh phí của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục.

- Kinh phí để chi trả cho các hoạt động tập huấn chuyên môn nghiệp vụ của các cơ sở GDĐH - TCCN là 5.500 triệu đồng và kinh phí chi trả cho các hoạt động đánh giá ngoài là 84.560 triệu đồng. Nguồn chi cho nội dung này lấy từ nguồn thu của các cơ sở GDĐH - TCCN.

Bao gồm 5 hoạt động:

a) Hoạt động 1: Xây dựng kế hoạch phát triển và tăng cường năng lực cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN.

- Nội dung chủ yếu:

+ Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020;

+ Thành lập 3 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN vào năm 2011, 2012 và cấp phép hoạt động;

+ Kiểm tra hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN; định kỳ cấp phép hoạt động cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ ở cấp hệ thống chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách kiểm định chất lượng giáo dục (hàng năm 20 cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về kiểm định chất lượng giáo dục);

+ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng tăng cường năng lực xây dựng chiến lược phát triển, tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, trao đổi, chia sẻ các kinh nghiệm thực tiễn ở trong và ngoài nước (2 năm/lần, mỗi lần có 25 đại biểu tham dự tập huấn trong 3 ngày).

- Kinh phí dự kiến : 677 triệu đồng

b) Hoạt động 2: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN.

- Các nội dung chủ yếu :

+ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục;

+ Ban hành thông tư quy định về điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; xây dựng quy chế, điều lệ hoạt động mẫu của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (trong đó có chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, tiêu chuẩn đạo đức, năng lực chuyên môn...);

+ Ban hành quy chế kiểm tra, thanh tra, đánh giá các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

+ Ban hành các thông tư quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục và chương trình GDDH - TCCN;

+ Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục các trường đại học, cao đẳng và TCCN;

+ Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học, chương trình đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng;

+ Ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục các ngành trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

+ Ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của các trường đại học;

+ Ban hành Thông tư quy định việc sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cho công tác quản lý và thúc đẩy quá trình cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục ở cấp hệ thống và cấp trường.

- Kinh phí dự kiến : 550 triệu đồng

c) Hoạt động 3: Phát triển đội ngũ chuyên gia đánh giá ngoài để triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN

- Các nội dung chủ yếu :

+ Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ chuyên gia đánh giá ngoài để triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với các GDDH - TCCN trong cả nước;

+ Trong các năm 2011, 2012, mỗi năm đào tạo 350 chuyên gia đánh giá

ngoài;

+ Trong các năm 2013-2020, mỗi năm đào tạo 200 chuyên gia đánh giá ngoài;

+ Định kỳ tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý giáo dục và chuyên môn kiểm định chất lượng giáo dục cho các chuyên gia đánh giá ngoài, đảm bảo các chuyên gia đánh giá ngoài đều được cập nhật kiến thức 2 năm/lần (mỗi năm bồi dưỡng 700-1000 chuyên gia đánh giá ngoài).

- Kinh phí dự kiến : 5980 triệu đồng.

d) Hoạt động 4: Triển khai đánh giá và công nhận các GDĐH - TCCN đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục

- Các nội dung chủ yếu :

+ Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các cơ sở GDĐH - TCCN để chuẩn bị các báo cáo tự đánh giá, tham gia các hoạt động đánh giá ngoài và tiếp nhận các đoàn đánh giá ngoài đến khảo sát tại các cơ sở giáo dục (mỗi năm tập huấn cho 1100 người);

+ Triển khai đánh giá ngoài 90% số trường đại học, cao đẳng trong giai đoạn 2011-2015;

+ Triển khai đánh giá ngoài 200 chương trình giáo dục đại học trong giai đoạn 2011-2015;

+ Triển khai đánh giá ngoài 95% số trường đại học, cao đẳng trong giai đoạn 2016-2020;

+ Triển khai đánh giá ngoài 600 chương trình GDĐH trong giai đoạn 2016-2020;

+ Triển khai đánh giá ngoài 90% số trường TCCN trong giai đoạn 2011-2015;

+ Triển khai đánh giá ngoài 95% số trường TCCN trong giai đoạn 2016-2020.

- Kinh phí dự kiến : 90060 triệu đồng.

đ) Hoạt động 5 : Tăng cường hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDĐH - TCCN.

- Các nội dung chủ yếu :

+ Tiếp tục tham gia và phát huy vai trò thành viên của Mạng lưới chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (APQN), Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học (INQAAHE), Mạng lưới đảm bảo chất lượng của ASEAN (AQAN);

+ Tham dự các hội nghị hằng năm của Mạng lưới chất lượng Châu Á – Thái Bình Dương (APQN), Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học (INQAAHE), Mạng lưới đảm bảo chất lượng của ASEAN (AQAN);

+ Tổ chức các hội thảo trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các nước trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Kinh phí dự kiến : 1.600 triệu đồng

(Xem chi tiết tại phần Phụ lục)

### **Phần III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **3.1. Lộ trình thực hiện**

a) Giai đoạn 2011-2015:

Nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là khẩn trương hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tạo hành lang pháp lý cho công tác kiểm định chất lượng giáo dục, thành lập Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục và thành lập 3 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà nước để triển khai kiểm định các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục đại học, các trường trung cấp chuyên nghiệp. Cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020;

- Thành lập Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục;

- Thành lập 3 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà nước vào năm 2011, 2012 và cấp phép hoạt động;

- Năm 2011, 2014 rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục;

- Ban hành Thông tư quy định về điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

- Ban hành quy chế kiểm tra, thanh tra, đánh giá các tổ chức kiểm định

chất lượng giáo dục;

- Ban hành Thông tư quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục và chương trình GDDH - TCCN;

- Ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên TCCN trình độ đại học;

- Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục các trường đại học, cao đẳng, TCCN;

- Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học, giáo viên tiểu học trình độ cao đẳng;

- Ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục các ngành trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của các trường đại học;

- Ban hành Thông tư quy định việc sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cho công tác quản lý và thúc đẩy quá trình cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục ở cấp hệ thống và cấp trường;

- Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ chuyên gia đánh giá ngoài để triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN trong cả nước, trong các năm 2011, 2012 mỗi năm đào tạo 350 chuyên gia đánh giá ngoài; trong các năm 2013-2015, mỗi năm đào tạo 200 chuyên gia đánh giá ngoài;

- Tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý giáo dục và chuyên môn kiểm định chất lượng giáo dục cho các chuyên gia đánh giá ngoài;

- Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các cơ sở GDDH và trường TCCN để chuẩn bị các báo cáo tự đánh giá, tham gia các hoạt động đánh giá ngoài và tiếp nhận các đoàn đánh giá ngoài đến khảo sát tại các cơ sở giáo dục;

- Triển khai đánh giá ngoài 90% số trường đại học, cao đẳng, TCCN;

- Triển khai đánh giá ngoài 200 chương trình GDDH;

- Kiểm tra hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN; định kỳ cấp phép hoạt động cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục 5 năm/lần;

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ ở cấp hệ thống chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách kiểm định chất lượng giáo dục (hàng năm 20 cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn);

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng tăng cường năng lực xây dựng chiến lược

phát triển, tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, trao đổi, chia sẻ các kinh nghiệm thực tiễn ở trong và ngoài nước (2 năm/lần, mỗi lần có 25 đại biểu tham dự tập huấn trong 3 ngày);

- Tiếp tục tham gia và phát huy vai trò thành viên của Mạng lưới chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (APQN), Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học (INQAAHE), Mạng lưới đảm bảo chất lượng của ASEAN (AQAN);

- Tham dự các hội nghị hằng năm của Mạng lưới chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (APQN), Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học (INQAAHE), Mạng lưới đảm bảo chất lượng của ASEAN (AQAN);

- Tổ chức các hội thảo trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các nước trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục.

#### b) Giai đoạn 2016-2020:

Nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là củng cố hệ thống các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, hình thành các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức, cá nhân thành lập, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục và triển khai kiểm định các trường đại học, cao đẳng và TCCN, các chương trình GDDH. Cụ thể:

- Năm 2016, 2018, 2010 rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục;

- Hình thành các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức, cá nhân thành lập;

- Trong các năm 2016-2020, mỗi năm đào tạo 200 chuyên gia đánh giá ngoài;

- Định kỳ tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý giáo dục và chuyên môn kiểm định chất lượng giáo dục cho các chuyên gia đánh giá ngoài, đảm bảo các chuyên gia đánh giá ngoài đều được cập nhật kiến thức 2 năm/lần;

- Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các cơ sở giáo dục đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp để chuẩn bị các báo cáo tự đánh giá, tham gia các hoạt động đánh giá ngoài và tiếp nhận các đoàn đánh giá ngoài đến khảo sát tại các cơ sở giáo dục (mỗi năm tập huấn cho 1100 người);

- Triển khai đánh giá ngoài 95% số trường đại học, cao đẳng và TCCN;

- Triển khai đánh giá ngoài 600 chương trình giáo dục đại học;

- Kiểm tra hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối

với GDDH - TCCN; định kỳ cấp phép hoạt động cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục 5 năm/lần;

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ ở cấp hệ thống chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách kiểm định chất lượng giáo dục (hàng năm có 20 cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn);

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng tăng cường năng lực xây dựng chiến lược phát triển, tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, trao đổi, chia sẻ các kinh nghiệm thực tiễn ở trong và ngoài nước (2 năm/lần, mỗi lần có 25 đại biểu tham dự tập huấn trong 3 ngày);

- Tiếp tục tham gia và phát huy vai trò thành viên của Mạng lưới chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (APQN), Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học (INQAAHE), Mạng lưới đảm bảo chất lượng của ASEAN (AQAN);

- Tham dự các hội nghị hàng năm của Mạng lưới chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (APQN), Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học (INQAAHE), Mạng lưới đảm bảo chất lượng của ASEAN (AQAN);

- Tổ chức các hội thảo trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các nước trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục.

### **3.2. Trách nhiệm các đơn vị liên quan**

#### **a) Cục KTKĐCLGD**

- Là cơ quan thường trực tổ chức thực hiện Đề án;

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan, các cơ sở GDDH - TCCN cụ thể hoá nội dung Đề án thành chương trình, kế hoạch thực hiện chi tiết để chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện;

- Chủ trì phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em (CSVC-TBTHĐCTE) và các đơn vị liên quan trình lãnh đạo Bộ thành lập, cho phép thành lập các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

- Chủ trì phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục CSVC-TBTHĐCTE trình Bộ trưởng cấp phép hoạt động cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

- Xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai Đề án từng giai đoạn, từng năm;

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở GDDH - TCCN thực hiện Đề án;

- Tổ chức tập huấn chuyên môn, hội thảo về xây dựng kế hoạch, cách thức

triển khai thực hiện Đề án;

- Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Đề án trong phạm vi cả nước theo từng năm, từng giai đoạn và kết thúc Đề án; định kỳ báo cáo Bộ trưởng;

- Chủ trì xây dựng mạng lưới tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

- Chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục;

- Chủ trì tổ chức đào tạo các chuyên gia đánh giá ngoài.

b) Vụ Tổ chức cán bộ

Phối hợp với Cục KTKĐCLGD và các đơn vị liên quan trình lãnh đạo Bộ thành lập, cho phép thành lập các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

c) Vụ Kế hoạch - Tài chính

Chủ trì phối hợp với Cục KTKĐCLGD xây dựng các hướng dẫn sử dụng ngân sách nhà nước chi cho các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

d) Vụ Giáo dục Đại học và Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp

Phối hợp với Cục KTKĐCLGD chỉ đạo các cơ sở giáo dục tham gia các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

đ) Các đơn vị khác thuộc Bộ GDĐT

Phối hợp với Cục KTKĐCLGD thực hiện những công việc cụ thể theo chức năng nhiệm vụ được giao.

e) Các cơ sở GDĐH và trường TCCN

- Cử cán bộ tham gia các hoạt động tập huấn, hội thảo về kiểm định chất lượng giáo dục do Bộ GDĐT tổ chức;

- Triển khai tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục;

- Tiếp nhận các đoàn đánh giá ngoài của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục;

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

g) Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục

- Triển khai các hoạt động đánh giá ngoài;

- Xem xét công nhận các cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục;

- Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định./.

PHỤ LỤC

DỰ TOÁN KINH PHÍ

STT	Các hoạt động	Thời gian hoàn thành	Dự trù kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Phân công thực hiện (đơn vị chịu trách nhiệm chính)
1	Xây dựng kế hoạch phát triển và tăng cường năng lực cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN		670		
1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020	2011	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Vụ GDCN
1.2	Thành lập 3 tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN vào năm 2011, 2012 và cấp phép hoạt động	2011, 2012	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ TCCB, Vụ Pháp chế, Vụ GDDH, Vụ GDCN, Vụ KHTC, Cục CSVC-TBTHĐCTE
1.3	Kiểm tra hoạt động của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN; định kỳ cấp phép hoạt động cho các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục 5 năm/lần	Hàng năm	60	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Vụ GDCN
1.4	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ ở cấp hệ thống chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách kiểm định chất lượng giáo dục (hàng năm 20 cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn)	Hàng năm	300	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Vụ GDCN
1.5	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng tăng cường năng lực xây dựng chiến lược phát triển, tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, trao đổi, chia sẻ các kinh nghiệm thực tiễn ở trong và ngoài nước (2 năm/lần, mỗi lần có 25 đại biểu tham dự tập huấn trong 3 ngày)	2 năm/lần	250	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Vụ GDCN
2	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN		550		
2.1	Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến công tác kiểm định chất lượng giáo dục	2011, 2014, 2016, 2018,	100	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Vụ Pháp chế, Cục KTKĐCLGD, Vụ

STT	Các hoạt động	Thời gian hoàn thành	Dự trù kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Phân công thực hiện (đơn vị chịu trách nhiệm chính)
2.2	Ban hành Thông tư quy định về điều kiện thành lập và giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục	2011	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ Pháp chế, Vụ TCCB, Vụ GDBH, Vụ GDCN
2.3	Ban hành Thông tư quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng trường đại học; cao đẳng và TCEN	2011	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ Pháp chế, Vụ TCCB, Vụ GDBH, Vụ GDCN
2.4	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (thay thế toàn bộ quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng các trường đại học, cao đẳng và TCEN, ban hành kèm theo quyết định số 76/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2007).	2011	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDBH, Vụ GDCN
2.5	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng các chương trình giáo dục của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệpban hành kèm theo quyết định số 29/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/6/2008).	2011	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDBH, Vụ GDCN
2.6	Ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục các ngành trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ	2011	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDBH, Vụ GDCN, Cục NG-CBQLCSGD
2.7	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục các trường đại học	2012	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDBH
2.8	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 66/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục các trường cao đẳng	2012	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDBH
2.9	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 67/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục các trường trung cấp chuyên nghiệp	2012	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDCN

STT	Các hoạt động	Thời gian hoàn thành	Dự trù kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Phân công thực hiện (đơn vị chịu trách nhiệm chính)
2.10	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 03/2008/QĐ-BGDĐT ngày 04/02/2008 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo giáo viên trung học phổ thông trình độ đại học	2012	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Cục NG-CBQLCSGD
2.11	Ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Quyết định số 72/2007/QĐ-BGDĐT ngày 30/11/2007 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục ngành Giáo dục tiểu học trình độ cao đẳng	2012	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Cục NG-CBQLCSGD
2.12	Ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục các ngành trình độ đại học	2013	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Cục NG-CBQLCSGD
2.13	Ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục các ngành trình độ thạc sĩ	2013	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH
2.14	Ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình giáo dục các ngành trình độ tiến sĩ	2013	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH
2.15	Ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng của các trường đại học	2013	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH
2.16	Ban hành Thông tư quy định việc sử dụng kết quả kiểm định chất lượng giáo dục cho công tác quản lý và thúc đẩy quá trình cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục ở cấp hệ thống và cấp trường	2013	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Vụ GDCN, Vụ KTTC
3	Phát triển đội ngũ chuyên gia đánh giá ngoài để triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN		5980		
3.1	Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ chuyên gia đánh giá ngoài để triển khai các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với GDDH - TCCN trong cả nước	2011	30	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Vụ GDCN, Vụ KTTC
3.2	Trong các năm 2011, 2012, mỗi năm đào tạo 350 chuyên gia đánh giá ngoài	2011, 2012	350	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Vụ GDCN
3.3	Trong các năm 2013-2020, mỗi năm đào tạo 200 chuyên gia đánh giá ngoài	2013-2020	800	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ GDDH, Vụ GDCN

STT	Các hoạt động	Thời gian hoàn thành	Dự trù kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Phân công thực hiện (đơn vị chịu trách nhiệm chính)
3.4	Định kỳ tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức quản lý giáo dục và chuyên môn kiểm định chất lượng giáo dục cho các chuyên gia đánh giá ngoài, đảm bảo các chuyên gia đánh giá ngoài đều được cập nhật kiến thức 2 năm/lần (mỗi năm bồi dưỡng 700-1000 chuyên gia đánh giá ngoài)	2012-2020	4800	Kinh phí của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục	Các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục
4	Triển khai đánh giá và công nhận các cơ sở giáo dục đại học, chương trình giáo dục đại học và trường TCCN đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục		90060		
4.1	Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho các cơ sở GDDH - TCCN để chuẩn bị các báo cáo tự đánh giá, tham gia các hoạt động đánh giá ngoài và tiếp nhận các đoàn đánh giá ngoài đến khảo sát tại các cơ sở giáo dục (mỗi năm tập huấn cho 1100 người)	2011-2020	5500	Kinh phí của các cơ sở GDDH - TCCN	
4.2	Triển khai đánh giá ngoài 90% số trường đại học, cao đẳng trong giai đoạn 2011-2015	2011-2015	20460	Kinh phí của các cơ sở GD	
4.3	Triển khai đánh giá ngoài 200 chương trình giáo dục đại học trong giai đoạn 2011-2015	2011-2015	6000	Kinh phí của các cơ sở GD	
4.4	Triển khai đánh giá ngoài 95% số trường đại học, cao đẳng trong giai đoạn 2016-2020	2016-2020	21600	Kinh phí của các cơ sở GD	
4.5	Triển khai đánh giá ngoài 600 chương trình giáo dục đại học trong giai đoạn 2016-2020	2016-2020	18000	Kinh phí của các cơ sở GD	
4.6	Triển khai đánh giá ngoài 90% số trường TCCN trong giai đoạn 2011-2015	2011-2015	9000	Kinh phí của các cơ sở GD	
4.7	Triển khai đánh giá ngoài 95% số trường trung cấp chuyên nghiệp trong giai đoạn 2016-2020	2016-2020	9500	Kinh phí của các cơ sở GD	
5	Tăng cường hợp tác quốc tế với các nước trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực kiểm định chất lượng GDDH - TCCN		1600		
5.1	Tiếp tục tham gia và phát huy vai trò thành viên của Mạng lưới chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (APQN), Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng GDDH (INQAAHE), mạng lưới đảm bảo chất lượng của ASEAN (AQAAN).	2011-2020	200	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ Hợp tác Quốc tế

STT	Các hoạt động	Thời gian hoàn thành	Dự trù kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Phân công thực hiện (đơn vị chịu trách nhiệm chính)
5.2	Tham dự các hội nghị hằng năm của Mạng lưới chất lượng Châu Á - Thái Bình Dương (APQN), Mạng lưới quốc tế các tổ chức đảm bảo chất lượng GDDH (INQAAHE), mạng lưới đảm bảo chất lượng của ASEAN (AQAN).	2011-2020	900	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD
5.3	Tổ chức các hội thảo trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các nước trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục.	2011-2020	500	Kinh phí thường xuyên Bộ GDĐT	Cục KTKĐCLGD, Vụ Hợp tác Quốc tế
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>98867</b>		